

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2025/DS-ST
Ngày 18 – 12 – 2025
V/v tranh chấp HĐ vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hoàng Giang
- Ông Vũ Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 533/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Huyền L, sinh năm 1988; Căn cước công dân số 096188008940, cấp ngày 30/11/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp Tân T, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Trung H, sinh năm 1991; Căn cước công dân số 096091012844, cấp ngày 21/12/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp 7, xã C, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Huyền L theo văn bản ủy quyền ngày 07/10/2025 (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1970; Căn cước công dân số 096070009589, cấp ngày 20/4/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2.2. Bà Võ Thị H, sinh năm 1978; Căn cước công dân số 096178011889, cấp ngày 20/4/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/12/2019 dương lịch (nhằm ngày 15/11/2019 âm lịch), ông Hồ Văn T có vay của bà Bùi Huyền L số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận

2.000.000 đồng/tháng, trả lãi vào ngày 15 âm lịch hàng tháng việc vay có viết biên nhận. Sau khi nhận tiền cho đến nay, ông T không trả lãi và vốn cho bà L mặc dù bà L đã đòi nhiều lần. Đến ngày 25/6/2025, bà L khởi kiện ông T trả số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng nhưng do trong biên nhận chỉ có số tiền vay 40.000.000 đồng, ông T có ký nhận, riêng số tiền vốn vay 70.000.000 đồng còn lại ông T không có ký nhận và tại phiên hòa giải, ông T không thừa nhận nên bà L rút đơn khởi kiện, được Tòa án ra quyết định đình chỉ ngày 08/9/2025. Do bà Võ Thị H là vợ của ông T, số tiền nợ này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên bà L yêu cầu ông T cùng bà H có trách nhiệm trả cho bà L một lần hết số tiền vốn vay là 40.000.000 đồng cùng lãi suất tính từ ngày 10/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, bà L không yêu cầu trả thêm khoản nào khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, ông Hồ Văn T và bà Võ Thị H (bị đơn) trình bày:

Ông, bà là vợ chồng còn bà Bùi Huyền L chỉ là người ở cùng xóm. Khoảng năm 2019, ông T có hỏi bà L số tiền 15.000.000 đồng thì bà L đồng ý nên viết giấy giao kèo và đưa cho ông T ký tên. Sau đó, bà L yêu cầu mỗi tháng phải trả lãi suất là 4.500.000 đồng/tháng nhưng phải trả trước 01 tháng lãi nên ông T không đồng ý từ đó, bà L không đưa tiền cho ông T vay. Do sơ xuất, ông T không yêu cầu bà L xé bỏ tờ giấy giao kèo hỏi tiền nêu trên. Tại tòa, ông bà xác định ông T không biết chữ, chỉ biết viết họ tên và chữ ký “T” trong giấy giao kèo ngày 10/12/2019 là của ông T. Tuy nhiên, ông T không có nhận tiền từ bà L cũng không thỏa thuận trả lãi cho bà L như trong giấy giao kèo đã ghi nên ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự thừa nhận ngày 10/12/2019 dương lịch (nhằm ngày 15/11/2019 âm lịch), giữa các đương sự có thỏa thuận việc vay tiền nhưng không thống nhất với nhau về số tiền vay cũng như số tiền đã nhận. Nguyên đơn cho rằng bị đơn vay số tiền 40.000.000 đồng, riêng bị đơn xác định chỉ hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng nhưng chưa nhận tiền vay do các đương sự không thỏa thuận được việc trả lãi từ đó giữa các đương sự xảy ra tranh chấp.

[3] Xét thấy, việc vay tiền giữa các đương sự có lập tờ giấy giao kèo ngày 10/12/2019 dương lịch và trong nội dung giấy giao kèo chỉ thỏa thuận số tiền vốn vay, số tiền lãi phải trả hàng tháng cũng như việc thông báo thời gian báo trước để bị đơn trả lại tiền vốn vay nhưng không thỏa thuận thời hạn vay nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay không kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất.

Mặc dù, bị đơn không thừa nhận số tiền hỏi vay cũng như việc nhận tiền vay nhưng không xuất trình được bất kỳ tài liệu, chứng cứ có giá trị pháp lý chứng minh tại thời điểm hỏi vay ông T là người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và việc ông T ký tên là do bị ép buộc trong khi chữ ký “T” trong giấy giao kèo ông T thừa nhận do ông viết ra nên ông phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc ký tên của mình. Do đó, việc nguyên đơn kiện đòi số tiền vốn vay 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi, do các đương sự trình bày không thống nhất với nhau về việc thỏa thuận mức lãi suất khi vay nên căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trong trường hợp này nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp.

Đối với thời gian tính lãi, theo nội dung giấy giao kèo vay tiền việc đòi tiền vốn vay nguyên đơn phải thông báo cho ông T biết trước thời gian từ 01 – 02 tháng nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc báo trước này. Tuy nhiên, nguyên đơn đã khởi kiện bị đơn vào ngày 25/6/2025 đến ngày 08/9/2025, nguyên đơn rút đơn khởi kiện nhưng đến ngày 24/10/2025, bị đơn không trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện lại. Vì vậy, cần xem xét ngày 25/6/2025 là ngày nguyên đơn thông báo cho bị đơn biết việc đòi nợ. Đối chiếu quy định tại Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ngày 25/6/2025 được xác định là ngày chậm trả nợ gốc nên việc tính lãi được tính như sau:

Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày vay (ngày 10/12/2019 dương lịch) đến ngày 25/6/2025 là 05 năm 06 tháng 15 ngày và lãi chậm trả từ ngày 25/6/2025 đến ngày xét xử (18/12/2025) là 05 tháng 23 ngày. Do áp dụng mức lãi suất là 10%/năm nên tổng thời gian tính lãi được tính là:

$(06 \text{ năm } 08 \text{ ngày} \times 40.000.000 \text{ đồng}) \times 10\%/\text{năm} = 24.088.800 \text{ đồng}.$

Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi, nguyên đơn được chấp nhận là 64.088.800 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng).

[5] Về trách nhiệm thanh toán nợ, tuy trong giấy giao kèo vay tiền chỉ có ông T ký tên nhưng tại phiên tòa, ông T và bà H thừa nhận trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng không có thỏa thuận bằng văn bản hoặc bằng lời nói về việc làm ăn, kinh doanh riêng và chịu trách nhiệm riêng đối với tài sản được tạo lập do làm ăn riêng, kinh doanh riêng mà có được nên khoản nợ này được xác định là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, ông T cùng bà H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ nêu trên cho nguyên đơn là có cơ sở.

[6] Về thời gian và phương thức thanh toán nợ, Hội đồng xét xử xét thấy việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Huyền L.

Buộc ông Hồ Văn T, bà Võ Thị H cùng có trách nhiệm trả cho bà Bùi Huyền L số tiền là 64.088.800 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, ông T cùng bà H không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Hồ Văn T và bà Võ Thị H phải nộp số tiền là 3.204.000 đồng (ba triệu hai trăm lẻ bốn nghìn đồng – chưa nộp).

Bà Bùi Huyền L không phải nộp. Ngày 23/10/2025, bà L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003077 được trả lại toàn bộ cho bà L.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lâm Hoài Ân